

Bản án số: 71/2021/DS - PT
Ngày: 01 – 7 – 2021
V/v tranh chấp đòi lại
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Trần Nam Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Tăng Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLPT - DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS - ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2021/QĐ - PT ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1938; địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Đặng Văn X, sinh năm 1958 (Đã chết ngày 13/4/2020).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông X:

1. Bà Dương Thị D, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

2. Ông Đặng Vũ L, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Dương Thị D, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

2. Ông Trịnh Đức O, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 48, đường số 1, khu dân cư N, đường T, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 (Vắng mặt).
2. Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1954 (Vắng mặt).
3. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1975 (Vắng mặt).
4. Bà Đặng Vũ G, sinh năm 1970 (Vắng mặt).
5. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1952 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

6. Ông Nguyễn Văn Ê, sinh năm 1953 (Vắng mặt).
7. Ông Cao Minh Đ, sinh năm 1952 (Vắng mặt).
8. Bà Trần Ngọc A, sinh năm 1937 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2019 và tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà có phần đất diện tích 7.275m², tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 07, tọa lạc Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đất có nguồn gốc do bà khai phá từ trước năm 1975, bà sử dụng canh tác trồng lúa, được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) ngày 30/8/1994 cho bà H đứng tên. Thời gian không nhớ bà có cho rẽ và con ruột là vợ chồng ông Đặng Văn X, bà Dương Thị D diện tích khoảng 1,5 công tầm cây để cất nhà ở, đối với phần đất đã cho bà không có ý kiến, yêu cầu gì. Khoảng năm 2013, bà cho con ruột là ông Dương Văn U diện tích 02 công tầm cây (Tương đương 2.600m²), phần diện tích còn lại khoảng 4.675m² bà canh tác. Năm 2014, ông U đi làm ăn xa nên chuyển nhượng lại cho ông X 02 công tầm cây nêu trên. Năm 2017, bà chuyển nhượng cho ông X diện tích 03 công tầm cây (Tương đương 3.900m²). Như vậy, trước sau ông X sử dụng của bà diện tích 05 công tầm cây (Tương đương 6.500m²), phần diện tích còn lại theo Giấy chứng nhận QSDĐ bà được cấp là 775m². Sau đó ông X chuyển nhượng lại cho bà Đặng Vũ G diện tích 04 công tầm cây, đất ông X thực tế chỉ còn lại diện tích 01 công tầm cây. Tuy nhiên, ông X, bà D đã bao chiếm luôn phần diện tích đất của bà còn dư là 775m². Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông X, bà D có nghĩa vụ trả lại cho bà phần diện tích đã lấn chiếm 775m².

- *Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/3/2019 bị đơn ông Đặng Văn X có lời trình bày:*

Ông là con rể của bà Nguyễn Thị H, vợ ông là bà Dương Thị D. Ông cưới vợ vào năm 20 tuổi, đến năm 25 tuổi thì vợ chồng ra riêng và được bà H cho diện tích 1.000m² đất tại ấp Tràm Kiến, xã Châu Hưng để cất nhà ở. Năm 1982, trang trải đất đai Nhà nước lấy đất của bà H cấp cho vợ chồng ông diện tích 2.000m² đất ruộng (Năm cấp vị trí đất bà H cho). Vào năm nào không nhớ bà H có cho con là ông Dương Văn U 02 công tằm cây đất ruộng, cách đây khoảng 10 năm thì ông U chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông 02 công này, việc chuyển nhượng chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ. Tất cả phần đất ông trình bày đều do bà H đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ, không biết số thửa, đất tọa lạc tại ấp Tràm Kiến, xã Châu Hưng. Bà H thế chấp Giấy chứng nhận QSDĐ để vay Quỹ tín dụng Châu Hưng nhiều lần, vào năm 2017 do không có tiền chuộc nên bà H có kêu vợ chồng ông ra tiền để chuộc lại Giấy chứng nhận QSDĐ, bà H đồng ý chuyển nhượng cho vợ chồng ông 03 công tằm cây để trừ tiền trả nợ cho Quỹ tín dụng, do không có tiền nên ông kêu vợ chồng ông Lê Trung Tín và bà Đặng Vũ G ra tiền chuộc đất, ông Tín và bà G đồng ý, sau khi chuộc thì vợ chồng ông Tín lấy đất canh tác, được khoảng 01 năm bà H đòi lại đất, ông kêu vợ chồng ông Tín sang luôn phần đất này với diện tích 04 công tằm cây, trong đó gồm 03 công tằm cây của bà H và 01 công tằm cây của ông (Phần nằm trong 02 công nhận chuyển nhượng của ông U), giá chuyển nhượng một công tằm cây bằng 60.000.000 đồng, trừ đi số tiền vợ chồng ông Tín đã ra tiền chuộc từ Quỹ tín dụng. Ông chỉ lấy đủ số tiền 01 công tằm cây, phần 03 công tằm cây của bà H thì giữa bà H và ông Tín tự thỏa thuận thế nào ông không biết. Hiện nay diện tích đất vợ chồng ông sử dụng gồm có 3.000m² (Trong đó, 1.000m² bà H cho và 2.000m² do Nhà nước cấp) và 01 công tằm cây (Nhận chuyển nhượng từ ông U), do không am hiểu pháp luật nên không đi đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, thực tế vợ chồng ông sử dụng đất liên tục đến nay. Nay bà H đòi lại diện tích đất 775m² ông không đồng ý. Yêu cầu được ổn định sử dụng đất tranh chấp.

- *Tại Biên bản ghi lời khai ngày 12/5/2020 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đặng Văn X, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị D có lời trình bày:*

Bà là vợ ông X, bà H là mẹ ruột của bà, bà và ông X không có con chung, có một con nuôi là ông Đặng Vũ L. Sau khi kết hôn với ông X và ra ở riêng, vợ chồng bà được bà H cho diện tích hơn 01 công tằm cây đất ruộng, lên nền cất nhà để ở. Ngoài ra, năm tập đoàn vợ chồng bà được tập đoàn cấp 2.000m² đất viêng lang, thổ cư nằm cấp đất bà H cho, đất có nguồn gốc của bà H. Khoảng 10 năm sau vợ chồng có sang của ông Dương Văn U là em ruột của bà 02 công tằm cây đất ruộng có nguồn gốc của bà H cho ông U, việc bà H cho đất cũng như việc sang đất của ông U đều không làm giấy tờ, do là người thân. Thời gian không nhớ bà và ông X sống ly thân, bà bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh, khi bà trở về nhà nghe ông X nói có chuyển nhượng của bà H thêm 03 công tằm cây, sau đó thì ông X chuyển nhượng cho vợ chồng ông Tín, bà G 04 công tằm cây đất ruộng (Gồm 03 công nhận chuyển nhượng của bà H và 01 công nhận chuyển nhượng của ông U), diện tích còn lại hiện bà đang sử dụng là 01 công tằm cây bà H cho vợ chồng trước đây (Nay là nền nhà và có ủ một phần ra làm ruộng), 2.000m² đất tập đoàn cấp và 01 công tằm cây chuyển nhượng của ông U. Ngoài ra, không còn đất nào khác. Nay bà H khởi kiện đòi lại diện tích 775m² bà không đồng ý, do không bao chiếm đất của bà H.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đặng Văn X, ông Đặng Vũ L vắng mặt, không có lời trình bày.

- Tại Tờ tường trình ngày 26/01/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Đức O có lời trình bày:

Đối với phần đất bà H, ông X tranh chấp từ trước đến nay ông không có canh tác, sử dụng. Việc ông đứng tên một phần thửa đất tranh chấp do trước đây khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ địa chính cấp nhầm. Hiện ông đã nộp hồ sơ để xin cấp lại cho đúng diện tích đất thực tế của ông và đang được cơ quan có thẩm quyền xem xét. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với việc tranh chấp giữa bà H và ông X.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Phạm Minh Thủ tranh luận:

Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho bà H là đúng quy định, quá trình quản lý, sử dụng đất của bà H có 03 hộ, hộ bà Đặng Vũ G, hộ ông Nguyễn Văn A và hộ ông Đặng Văn X, bà Dương Thị D. Tuy nhiên, sơ đồ đo đất không thể hiện phần diện tích đất bà G, ông A là bao nhiêu. Bà H yêu cầu diện tích 775m² nhưng sơ đồ cũng không thể hiện được vị trí đất tranh chấp. Diện tích bị đơn ông X, bà D sử dụng không phải là vị trí đất tranh chấp, bà H trình bày có cho vợ chồng ông X, bà D diện tích khoảng 1,5 công tầm cây và ông X, bà D trình bày tập đoàn cấp 2.000m² đều bằng lời nói, không có giấy tờ chứng minh. Mặt khác, bị đơn cho rằng cùng thời điểm tập đoàn cấp đất 2.000m² bà H có cho diện tích 1.000m² là tổng diện tích 3.000m² là chưa phù hợp vì gia đình bà H đến 09 nhân khẩu. Nay bà H già yếu, cuộc sống khó khăn nên yêu cầu bị đơn trả lại 775m² để dưỡng già là yêu cầu chính đáng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS - ST ngày 30/3/2021 đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 229, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc đòi bị đơn ông Đặng Văn X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị D trả lại quyền sử dụng đất do lấn chiếm có diện tích 775m², tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 07, tọa lạc Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 12/4/2021, nguyên đơn bà H có đơn kháng cáo và được Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì nhận cùng ngày 12/4/2021, về việc kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS - ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc

thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc những người kế thừa của ông X là bà D và ông L trả lại cho bà phần đất có diện tích 775m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà H không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng trước đây bà có cho vợ chồng ông X phần đất có diện tích 0,5 công tầm cây để cất nhà ở (Chỗ vị trí nhà của vợ chồng ông X hiện nay), không phải cho 1,5 công tầm cây. Tập đoàn không có cấp đất cho ông X, phần đất dư của bà nằm trong phần đất thửa số 332 do vợ chồng ông X quản lý, sử dụng, nên bà yêu cầu người kế thừa của ông X là bà D và ông L trả lại phần đất bao chiếm của bà có diện tích 775m². Đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, các đương sự không có sự thỏa thuận nào liên quan đến việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị D, ông Đặng Vũ L, ông Trịnh Đức O và những người làm chứng ông Nguyễn Văn T, ông Đoàn Văn N, ông Nguyễn Văn M, bà Đặng Vũ G, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Ê, ông Cao Minh Đ, bà Trần Ngọc A đều vắng mặt không rõ lý do, nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bà H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Các bên đương sự đều xác định (BL số 01, từ 05 - 07 và 28) phần đất thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là của bà H, vào năm 2013 bà H cho ông Dương Văn Ư diện tích 02 công tầm cây, đến năm 2014 ông Ư chuyển nhượng 02 công tầm cây đất này cho ông X, đến năm 2017 bà H chuyển nhượng cho ông X 03 công tầm cây; nên ông X nhận chuyển nhượng của ông Ư và bà H tổng cộng là 05 công tầm cây (Tương đương 6.500m²). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/9/2019 (BL từ số 32 - 35) xác định: Phần đất theo đo đạc thực tế (Bao gồm luôn phần đất bờ kênh) có diện tích 3.035,9m², thuộc một phần thửa đất số 332 và một phần thửa đất số 297, trong đó thửa đất số 297 do ông Trịnh Đức O đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ, nhưng theo ông O (BL số 133) xác định phần đất thửa 297 từ trước đến nay ông không có canh tác ngày nào, việc ông đứng tên Giấy chứng nhận là do cấp nhầm và ông cũng đã nộp hồ sơ để xin cấp lại Giấy chứng nhận cho đúng với diện tích thực tế mà ông đang sử dụng, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, HĐXX xác định phần đất vợ chồng ông X đang quản lý, sử dụng theo đo đạc thực tế (Bao gồm luôn phần đất bờ kênh) có diện tích 3.035,9m², thuộc một phần thửa đất số 332 và một phần thửa đất số 297 (Thửa đất số 297 không phải là đất của ông O); trong đó có phần đất tranh chấp diện tích 775m². Tuy nhiên, bà H không xác định được phần đất tranh chấp có diện tích 775m² nằm ở vị trí nào, có nằm trên thửa đất số 297 hay không, nên Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở để thông báo cho bà H khởi kiện bổ sung đối với một phần thửa đất số 297. Do đó, Tòa án chỉ xem xét, giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của bà H đối với phần đất có diện tích 775m² thuộc một phần thửa đất số 332 nêu trên.

[5] Xét kháng cáo của bà H về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc những người kế thừa của ông X là bà D và ông L trả lại cho bà phần đất có diện tích 775m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy, theo bà H cho rằng thửa đất số 332, tờ bản đồ số 07, có diện tích đất 7.275m², bà và ông U chuyển nhượng cho ông X diện tích 05 công tầm cây (Tương đương 6.500m²), phần diện tích đất còn lại theo Giấy chứng nhận QSDĐ bà được cấp là 775m², ông X đã bao chiếm phần đất này của bà. Sau đó, ông X chuyển nhượng lại cho bà G diện tích 04 công tầm cây, đất ông X thực tế chỉ còn lại diện tích 01 công tầm cây. Tuy nhiên, ngoài 01 công tầm cây như bà H trình bày thì vào năm 1982 ông X được tập đoàn cấp diện tích 2.000m², việc này được những người trong tập đoàn xác nhận (BL số 97, 98, 99, 100) gồm ông Cao Minh Đ, ông Nguyễn Văn Ê, ông Đoàn Văn N, ông Nguyễn Văn T. Mặt khác, tại Biên bản phiên tòa (BL số 207) và Đơn kháng cáo (BL số 218) bà H cho rằng trước đây bà cho vợ chồng ông X 1,5 công tầm cây để cất nhà ở (Phần đất này cũng gần tương đương 2.000m² do Nhà nước lấy đất của bà H cấp cho ông X); tại phiên tòa phúc thẩm bà H cho rằng trước đây bà cho vợ chồng ông X 0,5 công tầm cây để cất nhà ở là không phù hợp với lời khai trước đây. Như vậy, bà H thừa nhận ông X nhận chuyển nhượng từ thửa đất số 332 diện tích 05 công tầm cây (Tương đương 6.500m²), ông X chuyển nhượng cho bà G 04 công tầm cây (Tương đương 5.200m²), diện tích còn lại 01 công tầm cây (Tương đương 1.300m²) và phần đất do tập đoàn cấp có diện tích 2.000m² (Cùng là phần đất trước đây bà H cho vợ chồng ông X cất nhà ở), nên phần đất ông X còn lại là 3.300m², nhưng theo kết quả đo đạc thực tế ngày 06/9/2019 thì phần đất vợ chồng ông X đang quản lý, sử dụng (Bao gồm luôn phần đất bờ kênh) chỉ có diện tích 3.035,9m². Đồng thời, bà H chỉ đứng tên trên Giấy chứng nhận nhưng thực tế bà H không có sử dụng toàn bộ thửa đất số 332, kể cả phần đất bà cho rằng còn thừa do vợ chồng ông X bao chiếm sử dụng. Mặt khác, khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thì bà H không xác định được phần đất tranh chấp có diện tích 775m² nằm ở vị trí nào mà chỉ dựa vào Giấy chứng nhận được cấp đem khẩu

trừ phần đất tặng cho và chuyển nhượng để đòi lại phần đất còn thừa là không phù hợp. Do đó, bà H không chứng minh được phần đất tranh chấp là do bà có quản lý, sử dụng và cũng không chứng minh được phần đất tranh chấp là do ông X bao chiếm và bao chiếm ở vị trí nào. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho kháng cáo của bà là có căn cứ và hợp pháp.

[6] Từ những phân tích và nhận định tại mục [5] như đã nêu trên, nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn bà H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc những người kế thừa của ông X là bà D và ông L trả lại cho bà phần đất có diện tích 775m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS - ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất. Án tuyên như sau:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc đòi bị đơn ông Đặng Văn X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị D trả lại quyền sử dụng đất do lấn chiếm có diện tích 775m², tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 07, tọa lạc Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 6.100.000 đồng (Sáu triệu một trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng trước, nên bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo thông báo của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

